

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 29/9/2025

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ.

		16DTA1	16DTA2	17DNNA1	17DNNA2
2	S			Dẫn luận ngôn ngữ Anh T. Châu-3t P A1 – Cơ sở 2	
	C	Cú pháp học T. Bảo-3t P 23-KHXH	Tiếng Anh thương mại C. Thảo-3t P 20-KHXH	Dẫn luận đất nước học Anh T. Nghĩa-3t P B1-CS2	Nghe nói C1.2 C. Ý-4t P A1-CS2
3	S				Viết C1.2 C. Huyền-3t Phòng A2-CS2
	C	Biên dịch T. Châu-4t P 20-KHXH		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều-3t GD8, CS2	
4	S			Viết C1.2 C. An-3t GD7-CS2	Dẫn luận ngôn ngữ Anh T. Châu-3t P A3 – Cơ sở 2
	C	Tiếng Anh thương mại C. Thảo-3t P 20-KHXH	Cú pháp học T. Út-3t P A3 – CS2		Đọc hiểu C1.2 T. Hiếu Trung-4t GD7- CS2
5	S	Ngữ nghĩa học T. Út-3t P A1 – Cơ sở 2	Ngữ nghĩa học C.Loan-3t P B5-CS2	Nghe nói C1.2 C. Út-4t P A3-CS2	
	C	Tiếng Anh báo chí C. Út - 3t P A2-CS2	Biên dịch T. Châu-4t P 19-KHXH	Đọc hiểu C1.2 C. Oanh-4t P A3-CS2	
6	S		Tiếng Anh báo chí T. Châu-3t		

			P 22-KHXX		
	C			Phương pháp NCKH T. Dân-4t P A3- Cơ sở 2 (Chưa học, sẽ TB sau)	Dẫn luận đất nước học Anh C. Sang – 3t P A2-CS2
7	S	Tiếng Anh du lịch T. Thái – 4t P A2- CS2 (Học từ tháng 10, ngày cụ thể sẽ TB)		Phương pháp NCKH T. Dân-4t P A1- Cơ sở 2 (Chưa học, sẽ TB sau)	
	C		Tiếng Anh du lịch T. Thái – 4t P 20-KHXX (Học từ tháng 10, ngày cụ thể sẽ TB)		Phương pháp NCKH T. Dân-4t P 23- KHXX (Chưa học, sẽ TB sau)

Ghi chú: Lớp 16DTA1,2 sẽ thực tập ngôn ngữ vào khoảng tháng 11-12, vì vậy Giảng viên dạy 2 lớp lưu ý tiến độ để SV kịp đi thực tập 3 tuần.

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 29/9/2025

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

		18DNNA -Nhóm1	18DNNA – Nhóm 2	18DNNA –Nhóm 3	18DNNA1	18DNNA2	19DNNA1	19DNNA2	19DNNA3
2	S						Viết B1 C. Loan-3t P 19-KHXXH	Ngữ pháp cơ bản T.Hiếu Trung-3t P 18-KHXXH	ĐK & C. Lông C. Thu – 4t Sân Cơ sở 2
	C						Độc hiểu B1 C. An-3t P 22-KHXXH	Ngữ âm thực hành cơ bản C. Tú-4t P 19-KHXXH	Ngữ pháp cơ bản T.Hiếu Trung-3t P 18-KHXXH
3	S		Tiếng Pháp căn bản 2 T. Thoại-4t P A3-CS2	Tiếng Pháp căn bản 2 T. Tòng-4t P 22-KHXXH			ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2	Nghe-Nói B1 C. Loan-4t P 19-KHXXH	Độc hiểu B1 C. Thảo-3t P 21-KHXXH
	C	Tiếng Pháp căn bản 2 T. Tòng-4t P A2 – CS2	Viết B2.2 T. Út-3t P A3 – CS2	Viết B2.2 C. Tú-3t GD7-CS2			Tin học căn bản T. Trọng-4t P 23-KHXXH	Độc hiểu B1 C. Thảo-3t P 22-KHXXH	Nghe-Nói B1 C. Huyền- 4t P 19-KHXXH
4	S	Độc hiểu B2.2 T. Trung-3t P A2 – CS2	Độc hiểu B2.2 C. Huyền-3 P A1 – CS2	Nghe-Nói B2.2 C Út-4t P 19-KHXXH			ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2	Triết học Mác – Lênin T. Phương-4t P 22 – KHXXH	Ngữ âm thực hành cơ bản C. Ý-4t P 20-KHXXH
	C						Tin học căn bản		Triết học Mác – Lênin

							T. Trọng-4t P 23-KHXXH		T. Phương-4t P 22 – KHXXH
5	S	//	//	//	Pháp luật đại cương C. Thêm-4t P A3-CS2	Kỹ năng giao tiếp C. Trân-3t P A2-CS2	Nghe-Nói B1 C. Tú-4t P. 19-KHXXH	ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2	
	C	//	//	//	Tiếng Việt thực hành C. Nường – 3t P A1 – Cơ sở 2	Pháp luật đại cương C. Thêm-4t P B4-CS2	Triết học Mác – Lênin T. Phương-4t P 22 – KHXXH	Tin học căn bản T. Trọng-4t P 23-KHXXH	Viết B1 C. Huyền- 3t P 20-KHXXH
6	S	Viết B2.2 T. Út-3t P A2 – CS2	Nghe-Nói B2.2 C Tú-4t P 19-KHXXH	Đọc hiểu B2.2 T. Trung-3t P A1– CS2			Ngữ pháp cơ bản C. Oanh-3t P 20-KHXXH	ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2	
	C	Nghe-Nói B2.2 C Út-4t P 19-KHXXH					Ngữ âm thực hành cơ bản C. Ý-4t P 20-KHXXH	Tin học căn bản T. Trọng-4t P 23-KHXXH	Tin học căn bản T. Thừa-4t P 22-KHXXH
7	S	//	//	//	CNXH khoa học C. Lệ-3t P A3- CS2	Tiếng Việt thực hành C. Nường – 3t P 21 – KHXXH		Viết B1 C. Loan-3t P 19-KHXXH	Tin học căn bản T. Thừa-4t P 22-KHXXH
	C	//	//	//	Kỹ năng giao tiếp C. Trân-3t P 21 – KHXXH	CNXH khoa học C. Lệ-3t P 18-KHXXH			ĐK & C. Long C. Thu – 4t Sân Cơ sở 2

Ghi chú: Học phần Tin học căn bản, lớp 19DNNA1,2, do Thầy Trọng giảng dạy, do Thầy đang bận công tác, Lớp trưởng liên hệ trực tiếp để biết lịch cụ thể của Thầy, linh động thực hiện cho phù hợp.

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 29/9/2025

II. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN VIỆT NAM HỌC

		16DNV	17DTVVHVN	18DTVVHVN1	18DTVVHVN2	19DTVVHVN1 +19DVHDL	19DTVVHVN2
2	S	Văn học Việt Nam hiện đại 2 (1975 - nay) C Vân-3t P 18-KHXH	Thực hành văn bản tiếng Việt C Nương-3t P A2- Cơ sở 2	CNXH khoa học Cô Thoảng – 4t P 22-KHXH	Quản trị văn phòng C. Phương-3t P 23-KHXH	Lịch sử VN ĐC T. Hiếu – 3t Phòng 21-KHXH	ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2
	C	Phong cách học tiếng Việt T. Ngọc – 3t P A1-CS2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều-3t Phòng A1- CS2	Tiếng Anh căn bản 2 C. Huyền – 4t P B2-CS2	CNXH khoa học Cô Thoảng – 4t P B3-CS2	ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2	Lịch sử VN ĐC T. Hiếu – 3t Phòng 21-KHXH
3	S	Văn hoá giao tiếp - ứng xử C. Trân – 3t Phòng 22-KHXH		Quản trị văn phòng C. Phương-3t GD7-CS2	Từ vựng TV T. Hoàng – 3t Phòng A1- CS2	Tin học căn bản T. Bảo-4t P 18-KHXH	Triết học Mác – Lênin T. Khang-4t P 20-KHXH
	C		Văn hoá thế giới T. Đua-4t P 20-KHXH	Từ vựng TV T. Hoàng – 3t Phòng A1- CS2		Triết học Mác – Lênin T. Khang-4t P 18-KHXH	
4	S		Văn học Trung đại Việt Nam C Nương-3t P 18-KHXH			Tin học căn bản T. Bảo-4t P 23-KHXH	Cơ sở văn hóa Việt Nam C. Phương-3t P 21-KHXH
	C	Nghịệp vụ tổ chức sự kiện và lễ hội C. Trân – 3t Phòng 19-KHXH	Báo chí truyền thông Đại cương T. Dũng – 3t P 18-KHXH	Văn học Trung đại Việt Nam C Nương-3t Phòng A2-CS2	Tổng quan du lịch T. Đua-3t Phòng 21-KHXH		Ngôn ngữ học ĐC C. Đ Liên – 3t Phòng 18- KHXH

							(Bắt đầu học từ Tháng 10, sẽ TB)
5	S	Các tôn giáo trên TG&VN Cô Thu Trang – 4t Phòng 20-KHXH	Văn hoá Đông Nam Á C. Lưu Liên-3t Phòng 23-KHXH	Văn hóa các dân tộc Việt Nam T. Đua-3t Phòng 22-KHXH	Tiếng Anh căn bản 2 T. Nghĩa-4t P A3-CS2	Tâm lý học ĐC T. Công – 4t Phòng 21-KHXH	Tin học căn bản T. Bảo-4t P 18-KHXH
	C				Văn hóa các dân tộc Việt Nam T. Đua-3t P GD7-CS2	Cơ sở văn hóa Việt Nam C. Phương-3t P 18-KHXH	Tâm lý học ĐC T. Công – 4t Phòng 21-KHXH
6	S	NP chức năng C. Đ Liên – 4t Phòng A3-CS2 (Học từ tháng 10, sẽ có TB)	Văn hoá ẩm thực Việt Nam C. Phương-3t P 18- KHXH		Môi trường và phát triển C Xuân-4t GD7– Cơ sở 2 (Dạy vào tháng 10, sẽ TB)	Thống kê xã hội học T. Linh – 3t Phòng 21-KHXH	Tin học căn bản T. Bảo-4t P 23-KHXH
	C	Phong tục và lễ hội ở Việt Nam T. Hưng-3t PA1-CS2	Ngữ dụng học T. Ngọc – 3t P A3-CS2	Tổng quan du lịch T. Đua-3t GD7-CS2	Văn học Trung đại Việt Nam C Nương-3t Phòng 18-KHXH	Ngôn ngữ học ĐC C. Đ Liên – 3t Phòng 18-KHXH (Học từ tháng 10, sẽ có TB)	Thống kê XH học T. Minh – 3t Phòng 21-KHXH
7	S					ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2	
	C			Môi trường và phát triển C Xuân-4t P A2– Cơ sở 2 (Dạy vào tháng 10, sẽ TB)			ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2

Ghi chú: - Lớp 16DNV có thực tập nghiệp vụ chuyên ngành vào khoảng tháng 11-12, vì vậy Giảng viên dạy lớp này lưu ý tiến độ để đảm bảo SV đi thực tập 4 tuần.

-Tiếng Việt cho người nước ngoài – Trợ giảng TA Fulbright do TS Trương Thu Trang giảng dạy chiều thứ 5 hàng tuần, 2 tiết 2,3.

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 29/9/2025

I. CÁC LỚP THUỘC KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT

		17DKT1	17DKT2	17DQTKD1	17DQTKD2	17DTCNH	18DKT1	18DKT2
2	S						Tiếng Anh căn bản 3-4t C. Oanh P.C07	
	C							
3	S							
	C							
4	S	Anh văn CN- 4t C. Sang- P.C07						
	C							
5	S		Anh văn CN- 4t C. Thảo GD1	Lịch sử Đảng CSVN-4t (Ghép 17DQTKD1,2) T. Tiến Phước GD2		Anh văn CN- 4t T. Bảo GD3		Tiếng Anh căn bản 3-4t T. Trung P.C08
	C					Lịch sử Đảng CSVN-4t T. Tiến Phước GD3		
6	S						CNXH khoa học Cô Thoảng – 4t	
	C							CNXH khoa học Cô Thoảng – 4t
7	S	Lịch sử Đảng CSVN-4t						

		T. Tiến Phước- GD1						
	C		Lịch sử Đảng CSVN-4t T. Tiến Phước GD1					

		18DTCNH	18DQTKD + 18DQTDL&L H	19DQTKD1	19DQTKD2	19DKT1	19DKT2	19DTCNH1	19DTCNH2
2	S					Soạn thảo văn bản- 4t C. Lưu Liên P.C01			
	C							Soạn thảo văn bản- 3t C. Phương P.C05	
3	S	Tiếng Anh căn bản 3- 4t T. Nghĩa GD4	Tiếng Anh căn bản 3- 4t (Ghép 18DDL&LH) T. Bảo GD2			Tiếng anh căn bản 1- 4t C. Sang P.C01	Soạn thảo văn bản- 4t C. Lưu Liên		
	C								Soạn thảo văn bản- 3t C. Phương P.C05
4	S			Tiếng Anh căn bản 1- 4t C. Loan P.C03	Kỹ Năng mềm- 4t C. Trân P.C04				
	C								
5	S				Tiếng Anh căn bản 1- 4t C. Oanh	Triết học MLN- 4t T. Khang P.C01			

					P.C04				
	C						Triết học MLN-4t T. Khang P.C02		
6	S				Triết học MLN-4t T. Khang P.C04			Tiếng Anh căn bản 1-4t C. Thảo	
	C			Triết học MLN- 4t T. Khang P.C03					Tiếng Anh căn bản 1-4t T. Nam Trung
7	S		CNXH khoa học Cô Thoảng – 4t				Tiếng Anh căn bản 1- 4t C. Ý		Triết học MLN-4t T. Khang
	C	CNXH khoa học Cô Thoảng – 4t						Triết học MLN-4t T. Khang P.C05	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 29/9/2025

II. CÁC LỚP THUỘC KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

		17DCNPM	17DCNTT1	17DCNTT2	18DCNPM	18DCNTT1	18DCNTT2	19DCNPM	19DCNTT1	19DCNTT2
2	S					Tiếng Anh căn bản 3 C. Út-4t 18DCNTT1		Tiếng Anh căn bản 1 C. Tú-4t		
	C									
3	S									
	C									
4	S									
	C		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều-4t			Chủ nghĩa XHKH Cô Kiều Trang – 3t			Tiếng Anh căn bản 1, T. Nghĩa – 4t	
5	S								Triết học Mác – Lênin T. Hiệp-4t (Dạy từ tuần 3)	
	C				Tiếng Anh căn bản 3- 4t T. Nghĩa		Chủ nghĩa XHKH Cô Kiều Trang – 3t			Triết học Mác – Lênin T. Hiệp-4t (Dạy từ tuần 3)

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 29/9/2025

II. CÁC LỚP THUỘC KHOA SỬ PHẠM

		17DGDTH1	17DGDTH2	17DGDTH3	18DGDTH1	18DGDTH2	18DGDTH3	18CGDMN
2	S	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam C. Kiều – 4t Phòng B1-KSP						
	C							
3	S		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam C. Kiều – 4t Phòng B2-KSP			Tiếng Anh căn bản 2 C. An - 4T Phòng B5- KSP		
	C				Chủ nghĩa XHKH Cô Kiều Trang – 3t			
4	S			Đảng cộng sản Việt Nam C. Kiều – 4t Phòng B3-KSP		Chủ nghĩa XHKH Cô Kiều Trang – 3t		Tiếng Anh căn bản 2 C. Oanh-4t
	C							
5	S						Chủ nghĩa XHKH Cô Kiều Trang – 3t	
	C							

6	S				Tiếng Anh căn bản 2 C. An - 4T Phòng B4-KSP		Tiếng Anh căn bản 2 T. Bảo - 4T Phòng B6- KSP	
	C							
7	S							
	C							

		19DGDTH1	19DGDTH2	19DGDTH3	19DGDMN
2	S				Những nguyên lý CB của CN Mác – Lênin T. Phương - 4T GD8-KSP
	C				
3	S			Tiếng Việt thực hành C. Nương - 3T Phòng A6-KSP	
	C		Triết học Mác – Lênin T. Phương – 4T Phòng B8- KSP		
4	S				
	C				
5	S	Triết học Mác – Lênin T. Phương – 4T Phòng B7-KSP	Tiếng Việt thực hành C. Nương - 4T Phòng B8- KSP		
	C				
6	S	Tiếng Việt thực hành C. Nương - 3T Phòng B7-KSP		Triết học Mác – Lênin T. Phương – 4T Phòng A6-KSP	
	C				Những nguyên lý CB của CN Mác – Lênin

					T. Phương - 4T GD8-KSP
7	S				
	C				

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 29/9/2025

III. CÁC LỚP THUỘC KHOA NÔNG NGHIỆP VÀ THUỶ SẢN

		17DNTTS1	17DNTTS2	17DNTCNC	17DBVMTTS + 17DBVTV +17DCNTY	18DNTTS	18DNTCNC	18DBVTV + 18DCNTY +18DKHMT
2	S					Chủ nghĩa XHKH Cô Kiều Trang – 3t	Tiếng Anh cơ bản 3 C Sang – 4t	
	C							
3	S						Chủ nghĩa XHKH Cô Kiều Trang – 3t	
	C							
4	S							Tiếng Anh căn bản 3 T. Bảo-4t
	C							
5	S	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều-4t				Tiếng Anh căn bản 3 C. An-4t		
	C		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều-4t					
6	S			Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều-4t				CNXH khoa học C. Lệ-4t
	C							
7	S							
	C							

		19DBVTV-20 19DCNTY-22	19DNTCNC	19DNTTS1	19DNTTS2-30 19DKHMT-10
2	S				Tiếng Anh căn bản 1 T. Út – 4t 19DNTTS2-30 19DKHMT-10
	C			Triết học Mác – Lênin T. Phương 4t	
3	S			Tiếng Anh căn bản 1 C. Oanh-4t	Triết học Mác – Lênin T. Phương 4t
	C				
4	S				
	C				
5	S		Tiếng Anh căn bản 1 C. Ý – 4t		
	C	Tiếng Anh căn bản 1 C Hạnh-4t			
6	S				
	C	Triết học Mác – Lênin T. Hiệp-4t (Ghép 2 lớp) (Dạy từ tuần 3)			
7	S		Triết học Mác – Lênin T. Hiệp-4t (Dạy từ tuần 3)		
	C				

THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
I	Lãnh đạo Khoa			
1	Trương Thu Trang	0939.818269	tttrang@blu.edu.vn	Phó Trưởng khoa Phụ trách
II	Văn phòng Khoa			
2	Đỗ Chí Tâm	0845.505005	dctam@blu.edu.vn	
III	Bộ môn Lí luận chính trị			
3	Diệp Kiều Trang	0913.458.993	dktrang@blu.edu.vn	Phụ trách
4	Sơn Thanh Thoảng	0945.971.185	stthoang@blu.edu.vn	
5	Trương Thị Kiều	0944.878527	ttkieu@blu.edu.vn	
6	Trần Tam Phương	0913806429	ttphuong@blu.edu.vn	
IV	Bộ môn Ngoại ngữ			
7	Nguyễn Ái Hoàng Châu	0918.480.131	nahchau@blu.edu.vn	Trưởng Bộ môn
8	Phạm Thanh Loan	0982.299.295	ptloan@blu.edu.vn	Phó Trưởng Bộ môn
9	Nguyễn Trúc An	0944.212.403	ntan@blu.edu.vn	
10	Nguyễn Hiếu Trung	0919.753.783	nhtrung@blu.edu.vn	
11	Tạ Thị Kim Oanh	0916.337.654	ttkoanh@blu.edu.vn	
12	Nguyễn Thị Sang	0919.747.633	ntsang@blu.edu.vn	
13	Võ Thị Ngọc Huyền	0945.762.545	vtnhuyen@blu.edu.vn	
14	Nguyễn Văn Út	0946.463.232	nvut@blu.edu.vn	
15	Ngô Ngọc Thảo	0943.288.579	nnthao@blu.edu.vn	
16	Liên Trọng Nghĩa	0835.575.799	ltnghia@blu.edu.vn	
17	Huỳnh Thị Út	0949.436.959	htut@blu.edu.vn	
18	Nguyễn Thanh Tòng	0917.548.248	nttong@blu.edu.vn	
19	Lê Minh Thoại	0939.239.765	lmthoai@blu.edu.vn	
20	Sầm Ngọc Khả Tú	0793.659.644	snktu@blu.edu.vn	
21	Trương Thị Như Ý	0972.996.939	ttny@blu.edu.vn	

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
22	Dương Thế Bảo	0776.514.675	dtbao@blu.edu.vn	
V	Bộ môn Việt Nam học			
23	Lê Kiều Nương	0974.277.402	lknuong@blu.edu.vn	Phó Trưởng Bộ môn Phụ trách
24	Dương Minh Ngọc	0919.434.845	dmngoc@blu.edu.vn	
25	Lưu Thị Liên	0914.967.349	ltlien@blu.edu.vn	
26	Lữ Thị Thùy Vân	0939.096.318	littvan@blu.edu.vn	
27	Võ Thị Diễm Phương	0973.647.503	vtdphuong@blu.edu.vn	
28	Phạm Thị Kiều Trân	0845.763.688	ptktran@blu.edu.vn	
29	Phan Việt Đua	0834.174.477	pvduda@blu.edu.vn	
30	Nguyễn Phước Hưng	0907.071.441	nphung@blu.edu.vn	